

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2017/DS-PT

Ngày: 15-9-2017

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Anh

Ông Ngô Hà Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2017/TLPT-DS ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2017/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn:

Bà Lê Thị S – Sinh năm 1958. Địa chỉ: phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Chị Phạm Thị Thu N – sinh năm 1982. Địa chỉ: phường X, quận, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị S: Ông Phạm Ngọc H, Luật sư của Văn phòng Luật sư ĐT, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh P – Sinh năm 1983. Địa chỉ: đường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Lê Thị Kim T – Sinh năm 1985. Địa chỉ: đường V, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Chị Trần Thị B – Sinh năm 1976. Địa chỉ: phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh P – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

* Nguyên đơn là bà Lê Thị S và chị Phạm Thị Thu N trình bày:

Anh Nguyễn Thanh P và chị Lê Thị Kim T là chủ cái biêu từ năm 2014 trong đó có bà Lê Thị S và chị Phạm Thị Thu N cùng tham gia chơi. Hàng tháng bà S và chị N vẫn nộp biêu đầy đủ. Tuy nhiên, anh P và chị T vi phạm cam kết dẫn đến có nợ nhiều lần tiền của bà S và chị N.

Sau nhiều lần khất nợ vào ngày 24/02/2016 anh P xác nhận sẽ có trách nhiệm trả nợ và viết giấy mượn tiền với nội dung anh P có nợ bà S và chị N số tiền: 930.000.000 đồng và giao giấy tờ xe 16 chỗ biển số 43B – 01108 đứng tên chị Trần Thị B và hẹn sẽ giao tiếp giấy tờ xe 43B – 00907 để đảm bảo khoản vay nhưng sau đó anh P không thực hiện như đã cam kết.

Đến ngày 23/08/2016 chị B yêu cầu trả giấy tờ xe và chị B bán xe trả cho bà S, chị N số tiền 160.000.000 đồng và trước đó anh P đã trả cho bà S, N 20.000.000 đồng còn lại 750.000.000 đồng. Bà S và chị N nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh P, chị T trả nợ nhưng vợ chồng anh P cố tình không chịu trả và lẩn tránh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị S: Luật sư Phạm Ngọc H cũng như bà S và chị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Nguyễn Thanh P và chị Lê Thị Kim T phải trả số tiền còn nợ là 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày:

Anh P không có nợ bà Lê Thị S và chị Phạm Thị Thu N số tiền 750.000.000 đồng như trình bày của nguyên đơn. Ngày 24/02/2016 bà S và chị N đã ép ông P phải viết giấy mượn tiền với tổng số tiền 930.000.000 đồng và giao giấy tờ xe ô tô biển số 43B – 011.88 đứng tên chị Trần Thị B để đảm bảo. Việc chơi biếu, hối giữa bà S, chị N và chị Lê Thị Kim T - vợ anh P, anh P không biết gì. Anh P cũng không vay tiền bà S, chị N hay có giao dịch gì liên quan đến tiền bạc.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Thị Kim T trình bày: Chị T xác nhận có nợ bà Lê Thị S và chị Phạm Thị Thu N số tiền 750.000.000 đồng. Nay do gặp khó khăn nên xin được trả dần số tiền trên. Việc anh P chồng chị có viết giấy mượn tiền của bà S, chị N hay không chị T hoàn toàn không biết.

Chị Trần Thị B trình bày: Xe ô tô biển số 43B – 011.88 đứng tên Trần Thị B Tộc sở hữu chung của chị B và anh P với tổng số tiền 550.000.000 đồng. Vì chị B đóng góp số tiền nhiều hơn nên chị đứng tên trong giấy tờ xe, nhưng giao giấy tờ cho anh P giữ để tiện trong việc lưu thông và đăng kiểm. Sau khi biết vợ chồng anh P có nợ tiền bà S, chị N nên chị đã bán xe và trả nợ cho anh P số tiền 160.000.000 đồng. Nay bà S, chị N khởi kiện vợ chồng anh P thì chị đề nghị không đưa chị B vào tham gia tố tụng vì chị không liên quan gì đến số nợ nêu trên.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng áp dụng các Điều 471, 474, 476 và 305 Bộ luật dân sự, quyết định:

- Chấp nhận đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản của bà Lê Thị S và bà Phạm Thị Thu N với vợ chồng ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị Kim T.

- Buộc ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị Kim T trả cho bà Lê Thị S và bà Phạm Thị Thu N số tiền 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm quyết định án phí và quyền kháng cáo của các Bên theo quy định của pháp luật.

Ngày 17 tháng 5 năm 2017, anh Nguyễn Thanh P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Thanh P giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không thực hiện thụ lý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Phạm vi khởi kiện của nguyên đơn:

Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự: (i) Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó. (ii) Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình... Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2016, nguyên đơn Lê Thị S và Phạm Thị Thu N khởi kiện yêu cầu tòa án buộc anh Nguyễn Thanh P trả số tiền 750.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu nào khác. Thông báo thụ lý vụ án số 174/TB-TLVA ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê cũng thể hiện người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Thanh P trả số tiền 750.000.000 đồng. Các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 174/2017/TB-TA ngày 06 tháng 02 năm 2017, số 174/2017/TB-TA ngày 16 tháng 02 năm 2017, thông báo về phiên hòa giải số 174/2017/TB-TA ngày 27 tháng 02 năm 2017, Tòa án cũng thông báo cho các đương sự nội dung hòa giải là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn

Thanh P trả số tiền 750.000.000 đồng. Như vậy, người bị kiện (bị đơn) trong vụ án được xác định theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ là ông Nguyễn Thanh P. Tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư Phạm Ngọc H người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Lê Thị S trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa cấp sơ thẩm nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu cả chị T phải có nghĩa vụ trả tiền cùng anh P. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án không thể hiện có đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn và Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thụ lý giải quyết về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cả anh Nguyễn Thanh P và chị Lê Thị Kim T cùng trả số tiền 750.000.000 đồng. Do vậy, Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định: chấp nhận đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Lê Thị S và Phạm Thị Thu N với *vợ chồng ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị Kim T*; Buộc *ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị Kim T* trả cho bà Lê Thị S và bà Phạm Thị Thu N số tiền 750.000.000 đồng, là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm quyền tự quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về yêu cầu phản tố

Căn cứ vào hồ sơ vụ án và lời khai của anh Nguyễn Thanh P thì thấy ngày 27 tháng 02 năm 2017, anh P có làm đơn phản tố, theo đó, ông đề nghị Tòa án xem xét, tuyên Giấy mượn tiền viết ông ngày 24.2.2017 là vô hiệu vì cho rằng giấy mượn tiền được viết trong tình trạng ông bị đe dọa về tính mạng. Tại biên bản hòa giải ngày 27 tháng 02 năm 2017 thể hiện, người đại diện theo ủy quyền của anh P đã nộp đơn phản tố này cho Tòa án (bút lục số 62). Việc xem xét chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh P dẫn đến loại trừ việc chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu phản tố được gửi cho Tòa án trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải phù hợp với điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 200 Bộ luật dân sự và Điều 12 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định trong Phần thứ hai “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm”. Bị đơn không có đơn rút lại yêu cầu phản tố. Do vậy, trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải có thông báo cho anh P đóng tạm ứng án phí để xem xét giải quyết yêu cầu phản tố mới đúng quy định về tố tụng. Việc tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện các thủ tục để anh P nộp tạm ứng án phí, tiến hành thụ lý yêu cầu phản tố vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền của bị đơn quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Lê thị S và chị Phạm Thị Thu N đều thừa nhận số tiền 930.000.000 đồng anh Nguyễn Thanh P viết giấy mượn tiền ngày 24/02/2016 là xuất phát từ việc chị Lê Thị Kim T (vợ anh P) nợ tiền biếu và 150.000.000 đồng tiền chị T mượn của bà S, chị N. Việc chị T chơi biếu với bà S, chị N và chị T mượn tiền của bà S, chị N thì anh P có biết, nên bà S và chị N đến nhà đòi nợ thì anh P mới viết giấy mượn số tiền 930.000.000 đồng và giao giấy tờ xe ô tô BKS 43B-011.08 đứng để đảm bảo cho việc trả nợ.

[2.2] Bị đơn anh Nguyễn Thanh P thì cho rằng anh không biết việc chơi biếu cũng như việc mượn tiền giữa bà S, chị N với vợ anh là chị T. Ngày 24/02/2016 bà S, chị N và một số người khác đến nhà ép buộc anh ký vào giấy nhận mượn số tiền 930.000.000 đồng. Vì sợ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của những người thân trong gia đình nên anh mới viết giấy mượn tiền chứ thực tế hoàn toàn không có việc mượn tiền giữa anh với bà S, chị N. Ngay sau khi bị ép buộc viết giấy mượn tiền anh P đã gửi đơn tố cáo bà S, chị N đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê.

[2.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kim T trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm đều thừa nhận chị có nợ bà S và chị N số tiền 930.000.000 đồng xuất phát từ việc chơi biếu và mượn tiền giữa chị với bà S và chị N. Đây là khoản nợ riêng của chị với bà S và chị N, không liên quan đến chồng chị là anh P. Số tiền trên chị sử dụng vào việc trả tiền lời, lãi cho các con biếu và chơi cờ bạc.

[2.4] Tại Thông báo về kết quả giải quyết đơn tố cáo của công dân số 130 ngày 09/01/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê gửi cho anh Nguyễn Thanh P xác định: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê đã tiến hành các hoạt động điều tra xác minh T thập thông tin về vụ việc trên, nhận thấy: vợ anh là Lê Thị Kim T tổ chức chơi biếu và mượn tiền của những người trong gia đình bà S với tổng số tiền là 930.000.000 đồng. Ngày 24/02/2016, gia đình bà S có đến nhà anh đòi nợ tiền và yêu cầu anh viết giấy mượn tiền để làm tin. Anh P biết vợ mình chơi biếu hối và nợ tiền của mẹ con bà S, biết vợ mình né tránh việc trả nợ nên có viết giấy mượn tiền, đưa giấy tờ xe ô tô 43B-077.08 cho bà S để làm tin. Thực tế mẹ con bà S cũng không chiếm đoạt tài sản gì của anh P nên vụ việc không có dấu hiệu tội phạm hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê đã hướng dẫn bà S khởi kiện vợ anh là Lê Thị Kim T về việc nợ tiền ra Tòa án nhân dân quận thanh Khê để giải quyết theo thẩm quyền.

[2.5] Như vậy, có cơ sở để xác định thực tế không có việc vay mượn tiền giữa anh P với bà S, chị N như nội dung giấy mượn tiền ngày 24/02/2016 do anh P lập mà số tiền này xuất phát từ việc chơi biêu và mượn tiền giữa chị T (vợ anh P) với bà S, chị N. Bà S, chị N cho rằng anh P cùng tham gia chơi biêu, mượn tiền cùng với vợ nhưng anh P không thừa nhận và bà S, chị N cũng không chứng minh cho lời khai của mình là có cơ sở. Tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện cũng thể hiện việc mời biêu, tổ chức mua biêu (giấy mời biêu) đều do chị T thực hiện. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và xác định anh P là bị đơn, chị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và căn cứ quy định của Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản buộc anh P và chị T phải trả cho bà S, chị N số tiền 750.000.000 đồng mà không áp dụng quy định về họ, họ, biêu, phường theo quy định của Bộ luật dân sự và Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, biêu, phường để giải quyết là xác định quan hệ pháp luật tranh chấp không đầy đủ và tư cách tham gia tố tụng không đúng. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, lời khai của các bên đương sự có mâu thuẫn, không thống nhất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các lời khai của bà S, chị N, anh P, chị T tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê sau khi anh P có đơn tố cáo việc ép buộc viết giấy mượn tiền, không triệu tập lấy lời khai người làm chứng ông Nguyễn Văn L (là người ký làm chứng trong giấy mượn tiền ngày 24/02/2016), lấy lời khai của những người cùng chơi biêu với bà S, chị N do chị T cầm cái và không tiến hành đối chất giữa các đương sự với nhau, giữa đương sự với người làm chứng để làm rõ các tình tiết của vụ án, xác định anh P có trách nhiệm đối với khoản nợ 750.000.000 đồng bà S, chị N khởi kiện hay không là chấp nhận, xác minh chứng cứ chưa đầy đủ, toàn diện, không phù hợp với thực tế khách quan làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P, vi phạm quy định tại Điều 100 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.6] Với những lập luận trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy những sai sót của tòa án cấp sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Thanh P đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng là có cơ sở nên được chấp nhận..

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS: chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thanh P; hủy Bản án sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Thanh Khê giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí:

Do chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm nên anh Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Thanh P tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai số 0003452 ngày 18/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 5, Điều 200 và khoản 3 Điều 308 BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm anh Nguyễn Thanh P không phải chịu. Hoàn trả cho anh Nguyễn Thanh P tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ theo Biên lai T số 0003452 ngày 18/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THA DS quận Thanh Khê;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Lưu HS, TKT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Hiếu